Câu 1: Trình duyệt đang sử dụng phiên bản HTTP 1.0 hay 1.1? Phiên bản HTTP server đang sử dụng là bao nhiêu?

Trình duyệt đang sử dụng bản 1.1. Phiên bản HTTP server đang sử dụng bản 1.1



Câu 2: Địa chỉ IP của máy tính bạn là bao nhiêu? Của web server là bao nhiêu?

Địa chỉ IP của máy tính là 192.168.1.2

Địa chỉ IP của server là 3.17.7.232



Câu 3: Mã trạng thái (status code) trả về từ server là gì?

Các mã trạng thái (status code) trả về từ server là 200 OK, 301 Moved Permanently, 400 Bad Request, 404 Not Found

Text

Description automatically generated

Câu 4: Server đã trả về cho trình duyệt bao nhiêu bytes nội dung?

Trả về 4 gói tin: text

Với 445, 445, 162 và 195 bytes ứng với mỗi tập tin

Graphical user interface, application

Description automatically generatedGraphical user interface, application

Description automatically generatedGraphical user interface, application

Description automatically generatedGraphical user interface, application

Description automatically generated

Câu 5: Xem xét nội dung của HTTP GET đầu tiên. Bạn có thấy dòng “IF-MODIFIEDSINCE” hay không?

Xem xét nội dung của HTTP GET đầu tiên. Không tìm thấy dòng chữ“IF-MODIFIEDSINCE”

Graphical user interface, application

Description automatically generated with medium confidenceCâu 6: Xem xét nội dung phản hồi từ server. Server có thật sự trả về nội dung của file HTML hay không? Tại sao?

Quá trình phản hồi từ server: Client gửi yêu cầu file -> Server tìm kiếm file -> Server trả kết quả về Client -> Client tải về và hiển thị.

(trong trường hợp nếu như file cần tìm đã có sẵn ở bộ nhớ đệm cache thì sẽ lấy từ cache đem về còn nếu file yêu cầu thực sự chưa có thì sẽ yêu cầu Server tìm và gửi về cho Client). Như vậy nội dung file HTMl (do đã xóa Cache, nên khi ta yêu cầu get thì thì Server sẽ trả file này trực tiếp từ Server.

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Câu 7:

Đã thấy dòng “IF-MODIFIED-SINCE” với nội dung là: Tue, 05 Oct 2021 01:29:14 GMT\r\n

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Câu 8: Mã trạng thái HTTP được trả về từ server tương ứng với HTTP GET thứ 2 là gì? Ý nghĩa nó là gì? Server có thật sự gửi về nội dung của file hay không? Giải thích.

Trả kết quả là 400 Bad Request: cho biết yêu cầu được gửi đến máy chủ website, thường là yêu cầu tải 1 trang web bị sai hoặc gián đoạn và server sẽ không hiểu request này. Lỗi này xuất hiện khi bạn cố gắng vào 1 trang web nhưng không thể truy cập được.

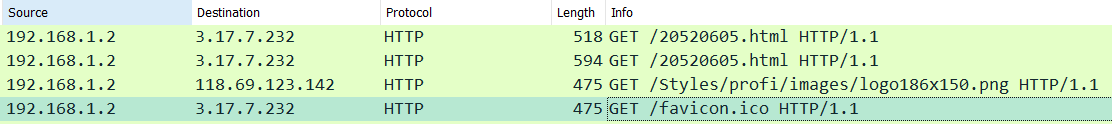
Server không gửi nội dung của file. Chúng ta có thể dễ dàng kiểm tra điều này ở phần mở rộng trong hình phía bên dưới.

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Câu 9: Trình duyệt đã gửi bao nhiêu HTTP GET? Đến những địa chỉ IP nào?

Trình duyệt đã gửi 4 HTTP GET. 3 cái đến IP 3.17.7.232 đây là IP cấu hình web server của Kali Linux khi xử dụng “ngrok” và 1 cái đến IP 118.69.123.142 chứa hình ảnh logo UIT từ portal.uit.edu.vn



Câu 10: Trình duyệt đã gửi bao nhiêu HTTP GET? Dòng “THE BILL OF RIGHTS” được chứa trong gói tin phản hồi thứ mấy?

Gửi 2 HTTP GET. Dòng Dòng “THE BILL OF RIGHTS” được chứa trong gói tin phản hồi số 153

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Câu 11: Cần bao nhiêu TCP segments để chứa hết HTTP response và nội dung của The Bill of Rights?

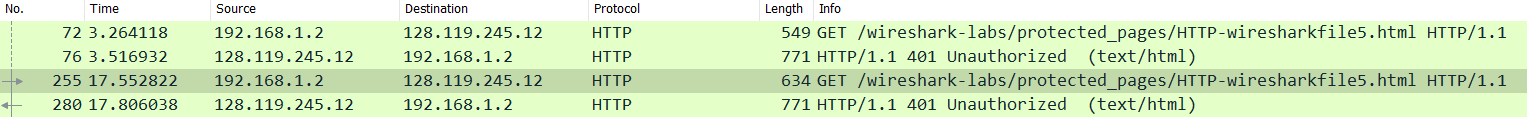
Graphical user interface, text, application

Description automatically generatedCần có 4 TCP segments để thõa yêu cầu

Câu 12: Mã trạng thái và ý nghĩa nó trong HTTP response tương ứng với HTTP GET đầu tiên là gì?

Mã trạng thái: 401 Unauthorized

Ý nghĩa: thông báo website vẫn tồn tại, hoạt động nhưng người dùng không thể truy cập vào do không được cấp quyền truy cập hay sở hữu quyền truy cập bao gồm tài khoản và mật khẩu không hợp lệ.



Câu 13: Khi trình duyệt gửi HTTP GET lần thứ 2, trường dữ liệu nào mới nào xuất hiện trong HTTP GET?

Trường dữ liệu mới: Authorization và Credentials

Trong Credentials chứa tài khoản và mật khẩu để xác nhận nếu muốn truy cập vào web

Graphical user interface, application

Description automatically generated